TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 71/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 27-6-2025
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Minh Lý.
2. Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Lê Cao Minh Thư – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một *tham gia phiên tòa:* Bà Lê Thị Hoài – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 124/2025/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2025 về việc "ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 34/2025/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trương Thị Mỹ C, sinh năm 1991; địa chỉ: Số C, đường Đ, tổ D, khu phố E, phường Đ, thành phố T, tỉnh Bình Dương; địa chỉ tạm trú: NI A, Nhà T, phường T, thành phố B, tỉnh Bình Dương, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Anh K, sinh năm 1990; địa chỉ: Số C, đường Đ, tổ D, khu phố E, phường Đ, thành phố T, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trương Thị Mỹ C trình bày:

Bà Trương Thị Mỹ C và ông Nguyễn Anh K là vợ chồng, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố T, tỉnh Bình Dương năm 2010 và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 61, quyển số 01/2010, ngày 10 tháng 7 năm 2010. Thời gian đầu sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng sau đó vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cải vã, cả hai không có tiếng nói chung. Từ năm 2022, bà C và ông K không còn sống chung, cả hai không còn

quan tâm, chăm sóc nhau. Bà C đã thuê trọ tại địa chỉ NI A, Nhà T, phường T, thành phố B, tỉnh Bình Dương sinh sống từ năm 2022 đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà C khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông K.

Về con chung: Bà C và ông K có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Anh T, sinh ngày 04 tháng 4 năm 2011. Từ khi bà C thuê trọ sinh sống đến nay thì cháu T do ông K nuôi dưỡng. Khi ly hôn, bà C yêu cầu Tòa án giao con chung tên Nguyễn Ngọc Anh T, sinh ngày 04 tháng 4 năm 2011 cho ông Nguyễn Anh K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Anh K vắng mặt và không có ý kiến về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, bị đơn không chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng. Đại diện Viện kiểm sát không có ý kiến và yêu cầu khắc phục gì thêm về tố tụng.

Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, qua ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn bà C khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con với bị đơn ông K nên Tòa án xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là "ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn ông K đang cư trú tại thành phố T, tỉnh Bình Dương. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

[1.3] Nguyên đơn bà C có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt. bị đơn ông K được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa vào các ngày 13 tháng 6 năm 2025 và ngày 27 tháng 6 năm 2025 nhưng ông K vắng mặt không lý do. Căn cứ theo quy định tại các Điều 227, 228 và 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà C và ông K tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố T, tỉnh Bình Dương năm 2010 và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 61, quyển số 01/2010, ngày 10 tháng 7 năm 2010. Hôn nhân của bà C và ông K là hợp pháp.

Bà C cho rằng cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc; vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cải vã, cả hai không có tiếng nói chung. Từ năm 2022 đến nay, bà C và ông K không còn sống chung, cả hai không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Bà C đã thuê trọ tại địa chỉ NI A, Nhà T, phường T, thành phố B, tỉnh Bình Dương sinh sống từ năm 2022 đến nay; nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà C khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông K.

Hội đồng xét xử xét thấy qua xác minh tại địa phương để xác định nguyên nhân mâu thuẫn trong cuộc sống hôn nhân của vợ chồng bà C và ông K thì địa phương không rõ vì vợ chồng bà C và ông K không trình báo với địa phương về vấn đề mâu thuẫn gia đình. Tuy nhiên thực tế, tình cảm vợ chồng giữa bà C và ông K đã không còn nên bà C mới khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông K; ông K được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không đến Tòa án để tham gia tố tụng, cũng không có văn bản trình bày ý kiến về việc giải quyết vụ án, chứng tỏ ông K cũng không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng với bà C. Như vậy, mâu thuẫn giữa bà C và ông K đã đến mức trầm trọng, không thể hàn gắn; mục đích hôn nhân giữa bà C và ông K không đạt được. Do đó yêu cầu của bà C về việc được ly hôn với ông K là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Quá trình chung sống, bà C và ông K có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Anh T, sinh ngày 04 tháng 4 năm 2011. Từ khi bà C thuê trọ sinh sống (năm 2022) và không còn sống chung với ông K đến nay thì cháu T do ông K nuôi dưỡng. Khi ly hôn, bà C yêu cầu Tòa án giao con chung tên Nguyễn Ngọc Anh T, sinh ngày 04 tháng 4 năm 2011 cho ông Nguyễn Anh K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Hội đồng xét xử nhận thấy, hiện nay cháu Nguyễn Ngọc Anh T, sinh ngày 04 tháng 4 năm 2011 đang sống cùng với ông K, cháu T có nguyện vọng được ông K nuôi dưỡng; để đảm bảo sự ổn định về nơi sinh sống, nơi học tập, cần giao con chung tên Nguyễn Ngọc Anh T cho ông K nuôi dưỡng.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm là có căn cứ.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà C phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trương Thị Mỹ C đối với bị đơn ông Nguyễn Anh K về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trương Thị Mỹ C được ly hôn với ông Nguyễn Anh K (Giấy chứng nhận kết hôn số 61, quyển số 01/2010, ngày 10 tháng 7 năm 2010 do Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố T, tỉnh Bình Dương cấp).

- Về con chung: Bà Trương Thị Mỹ C và ông Nguyễn Anh K có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Anh T, sinh ngày 04 tháng 4 năm 2011. Khi ly hôn, giao con chung tên Nguyễn Ngọc Anh T, sinh ngày 04 tháng 4 năm 2011 cho ông Nguyễn Anh K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Không đặt vấn đề giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích về mọi mặt của con khi một hoặc cả hai bên đương sự có yêu cầu, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt vấn đề giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Trương Thị Mỹ C phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tiền số 0009355 ngày 27 tháng 02 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

3. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- VKSND thành phố Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS thành phố Thủ Dầu Một;
- Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố T, tỉnh Bình Dương;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP.

Nguyễn Thị Thúy Hằng